

Số: 20/KH-CM

Mường Nhé, ngày 10 tháng 09 năm 2025

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG
Năm học 2025 – 2026

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NĂM HỌC

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Ban hành điều lệ trường Mầm non;

Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ GDĐT quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương 2 cấp đối với GDMN;

Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ GDĐT quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương 2 cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở GD;

Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ GDĐT quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực GD;

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 4445/UBND-KGVX ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 2615/KH-SGDĐT, ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở GD&ĐT về việc ban hành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2025 – 2026;

Căn cứ Công văn số 2627/SGDĐT-KHTC ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Sở giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ trọng tâm công tác Kế hoạch và tài chính năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND xã Mường Nhé về việc Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn xã Mường Nhé;

Căn cứ văn bản số 340/UBND-VHXXH ngày 8 tháng 9 năm 2025 V/v Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch số 19/KH-MNCC ngày 09 tháng 09 năm 2025 của trường Mầm Non Chung Chải về việc ban hành kế hoạch chiến lược và phát triển nhà trường năm học 2025-2026;

Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua nhằm thúc đẩy các hoạt động chăm sóc Giáo dục trẻ đạt hiệu quả. Trong năm học đội ngũ giáo viên trong nhà trường không ngừng tự học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tự làm thêm đồ dùng dạy học, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy;

Tích cực xây dựng bồn hoa, cây cảnh tạo cảnh quan xanh sạch - đẹp trong sân trường; tạo sự gắn bó giữa học sinh với học sinh, giữa học sinh với môi trường học tập. Các giáo viên đã tìm ra nhiều giải pháp để thực hiện tốt việc chăm sóc giáo dục trẻ một cách phù hợp đạt kết quả cao;

Kết quả: 100% các giáo viên thực hiện các phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, phong trào xây dựng tốt môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. Giáo viên tích cực làm thêm đồ dùng, đồ chơi tự tạo, trang trí môi trường lớp học phù hợp, thẩm mỹ...giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, hình thành ở trẻ các phẩm chất mạnh dạn, tự tin trong mọi hoạt động, thân thiện với mọi người xung quanh, lễ phép trong giao tiếp, ứng xử. Đưa các nội dung Giáo dục Lễ giáo, văn hóa truyền thống của địa phương thông qua các trò chơi dân gian, làn điệu dân ca.

4. Chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục

4.1. Chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng

*** Ưu điểm**

Trong năm học đã triển khai và thực hiện nghiêm túc thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn trong cơ sở giáo dục mầm non;

Đã thực hiện tốt công tác phối kết hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm học, tổ chức cân đo cho trẻ 4 lần/năm học;

Tổ chức ăn trưa cho trẻ đảm bảo chế độ dinh dưỡng. Quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn ở trung tâm và các điểm trường, thực hiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng bữa ăn giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng cụ thể:

Số lớp ăn bán trú: 28/28 lớp đạt 100%

Số trẻ ăn bán trú tại trường: 681/681 trẻ đạt 100%

100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối cả về thể chất và tinh thần

Tổng số trẻ được cân, đo: 681/681 trẻ đạt 100%

Trong đó:

Trẻ chiều cao bình thường: 540/681 đạt 79,3 %

Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi: 141/681 chiếm 20,7 %

Trẻ cân nặng bình thường: 622/681 đạt 91,3 %

Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 59/681 chiếm 8,7.

*** Hạn chế:**

Còn một số trẻ bị thấp còi và suy dinh dưỡng;

Nguồn thực phẩm địa phương chưa phong phú, đa dạng;

Sự phối kết hợp chưa thường xuyên với giữa nhà trường với phụ huynh học sinh trong công tác chăm sóc trẻ;

Do điều kiện kinh tế của cha mẹ trẻ còn khó khăn, nên ngoài số tiền hỗ trợ của nhà nước và tiền tài trợ của nhà từ thiện “Ánh sáng núi rừng”, cha mẹ không có điều kiện đóng góp thêm để tăng khẩu phần ăn cho trẻ.

4.2. Chất lượng giáo dục

*** Ưu điểm:**

100% trẻ được học 2 buổi/ngày và trẻ dân tộc thiểu số được tăng cường tiếng việt, 98% trẻ đi học chuyên cần;

100% trẻ được đánh giá mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và trẻ 5 tuổi được đánh giá hoàn thành chương trình Giáo dục mầm non;

Tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần đạt trên 95% đối với trẻ 5 tuổi; trên 93% đối với các độ tuổi khác;

Tổng số trẻ đánh giá: 672/672 trẻ được đánh giá.

Mục tiêu đạt: 629/672 đạt 90,4 %

Mục tiêu chưa đạt: 43/672 đạt 9,6%

Tỷ lệ học sinh chuyên cần đạt 96%

Tỷ lệ học sinh chuyển lớp trẻ 5 tuổi 211/211 đạt 100 %

Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non: 208/208 đạt 100%.

*** Hạn chế:**

Do đa số trẻ là con em dân tộc thiểu số nhận thức, ngôn ngữ của một số trẻ còn hạn chế, trẻ nghe và nói tiếng phổ thông chưa thành thạo nên ảnh hưởng nhiều đến chất lượng giáo dục;

Mặt bằng dân trí thấp, phụ huynh chưa quan tâm tới con em mình, kiến thức nuôi dạy trẻ của phụ huynh còn nhiều hạn chế;

Lớp mẫu giáo ghép 2,3 độ tuổi, nhận thức của trẻ không đồng đều vốn tiếng việt của trẻ còn hạn chế, việc truyền tải kiến thức cho trẻ các độ tuổi trong một lớp còn khó khăn, dẫn đến nhận thức của trẻ chưa cao.

5. Chất lượng giảng dạy của giáo viên

*** Ưu điểm**

Đội ngũ giáo viên trẻ, khỏe nhiệt tình trong công tác. 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo trở lên;

Tích cực học tập và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ như tham gia học các lớp đại học, tham gia lớp bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên do

trường, ngành tổ chức. Tham gia bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên theo Thông tư số 11/2019/TT-BGDĐT ngày 26/8/2019 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình BDTX cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non; số 12/2019/TT-BGDĐT ngày 26/08/2019 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình BDTX giáo viên mầm non, tích cực tham gia thăm lớp dự giờ, trao đổi kinh nghiệm chuyên môn với đồng nghiệp;

Tổng số giáo viên: 47 người (05 giáo viên hợp đồng). Tỷ lệ giáo viên/nhóm nhà trẻ đạt 2,0; tỷ lệ giáo viên/ lớp mẫu giáo đạt 1,63; tỷ lệ giáo viên mẫu giáo 5 tuổi đạt 1.85;

- Kết quả hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp:

Giáo viên dạy giỏi cấp trường: 22/42 giáo viên đạt 50%

Giáo viên dạy giỏi cấp huyện: 08/42 giáo viên đạt 19 %

Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh: 02/42 giáo viên đạt 13,63 %

- Kết quả xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp:

Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non: Tốt: 8/42 giáo viên đạt 19 % ; Khá: 28/42 giáo viên đạt 66,7%; Đạt: 06/42 giáo viên chiếm 14,3%

- Kết quả xếp loại viên chức cuối năm

HTSXNV: 08/42 người đạt 19%

HTTNV: 34/42 người đạt 81%.

*** Hạn chế**

Một số giáo viên chưa có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, xây dựng kế hoạch còn lúng túng, cách tổ chức hoạt động chưa linh hoạt, sáng tạo, công tác chuẩn bị đồ dùng dạy học tổ chức các hoạt động còn sơ sài, kỹ năng sử dụng đồ dùng trong dạy học còn hạn chế.

6. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia

Giáo viên các lớp có đầy đủ đồ dùng, đồ chơi đảm bảo phục vụ nhu cầu học và chơi của trẻ;

Các điểm trường có sân chơi bằng phẳng, sạch sẽ, có cổng hàng rào đảm bảo an toàn cho trẻ. 100% các điểm trường có bồn hoa, cây xanh đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp;

Giáo viên có ý thức trách nhiệm trong việc tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng sư phạm của cá nhân;

Chất lượng giáo dục trẻ: trên 95% trẻ được đánh giá đạt các mục tiêu cuối độ tuổi. 100% trẻ 5 tuổi được đánh giá đạt các mục tiêu cuối độ tuổi và đánh giá hoàn thành chương trình giáo dục mầm non;

Duy trì tốt các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia.

7. Kết quả các lĩnh vực công tác khác

7.1. Công bằng trong giáo dục, công tác hòa nhập trẻ khuyết tật

Trong năm học 100% trẻ được chăm sóc giáo dục đối xử công bằng, thân thiện và nêu cao tinh thần trách nhiệm, luôn dành tình cảm yêu thương nhất cho trẻ, trẻ đến trường an toàn không xảy ra tai nạn thương tích, phụ huynh yên tâm khi đưa con em mình đến trường lớp mầm non.

7.2. Công tác xã hội hoá giáo dục

Giáo viên kết hợp các ban, ngành đoàn thể trong xã huy động trẻ ra lớp đảm bảo: MG 3-5 tuổi đạt 100%; Nhà trẻ đạt 19,21%;

Giáo viên đã phối hợp với cha mẹ trẻ huy động xã hội hóa từ phụ huynh học sinh, cụ thể: Năm học 2024-2025 các lớp huy động được 405 ngày công lao động từ phụ huynh và nhân dân xây dựng cơ sở vật chất, làm đồ dùng, đồ chơi tại trung tâm và các điểm trường. Dự án Nuôi em hỗ trợ ăn trưa cho trẻ nhà trẻ học kỳ I: 77trẻ = 50.481.500^d, Học kỳ II: 84trẻ = 59.262.000^d.

7.3. Xây dựng trường có đời sống văn hóa tốt

100% giáo viên trong tổ đã thực hiện tốt các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, xây dựng tốt khối đoàn kết tập thể nhà trường, đoàn kết với nhân dân.

100% gia đình giáo viên trong tổ đều là gia đình văn hóa.

7.4. Giáo dục an toàn giao thông

100% giáo viên trong tổ có nhận thức và thực hiện tốt quy định và luật an toàn giao thông, không có trường hợp giáo viên vi phạm giao thông;

100% trẻ được giáo dục kiến thức về an toàn giao thông, nội dung giáo dục an toàn giao thông được lồng ghép các hoạt động trong ngày.

7.5. Xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích

100% học sinh được đảm bảo an toàn không có tai nạn thương tích xảy ra;

100% giáo viên được trang bị kiến thức về cách phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ, ứng phó với khí hậu, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường sống, ứng phó khí hậu, trong các tình huống khẩn cấp khi có thiên tai, hỏa hoạn xảy ra, có ý thức và hành vi tự thoát hiểm tốt.

B. NỘI DUNG CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU, BIỆN PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2025 – 2026

I. NHIỆM VỤ CHUNG

Năm học 2025-2026 là năm học tiếp tục thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về Giáo dục và Đào tạo trong Nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp và việc thực hiện Nghị quyết số 29/NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Phát huy thành tích đã đạt được trong năm học 2024-2025. Chuyên môn trường Mầm non Chung Chải tập trung quán triệt và triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Chủ động tham mưu, triển khai kịp thời các văn bản, chính sách về GDMN, bảo đảm các điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN; Phối hợp với hiệu trưởng trong công tác quy hoạch mạng lưới trường lớp, huy động trẻ ra lớp và nâng cao chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về GDMN; chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị nhà trường theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt, năng lực tự chủ, thực hiện tốt dân chủ cơ sở.

2. Thực hiện nghiêm các quy định về bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ trong mọi hoạt động của nhà trường; Chỉ đạo, giám sát việc thực hiện Chương trình GDMN hiện hành; tiếp tục nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN. Tăng cường ứng dụng các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục của các nước tiên tiến, lấy trẻ làm trung tâm, tăng cường thực hành, trải nghiệm; Chuẩn bị điều kiện để thực hiện chương trình GDMN mới (2028); thực hiện thí điểm chương trình GDMN mới

3. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục nhằm bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ 3-5 tuổi tại địa phương; tăng cường các giải pháp huy động trẻ đến trường, lớp mầm non hướng đến thực hiện phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi.

4. Tham mưu, chỉ đạo thực hiện các giải pháp tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng GDMN; quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu. Phối hợp triển khai kế hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp; tham mưu xây dựng và duy trì các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định; Triển khai các giải pháp huy động trẻ ra lớp, duy trì sĩ số và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; Tham mưu, thực hiện kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ đáp ứng yêu cầu đổi mới Giáo dục mầm non

5. Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục dân tộc trong nhà trường; bảo đảm quyền được học tập, chăm sóc và giáo dục của trẻ em dân tộc thiểu số. Tăng cường giáo dục văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quán địa phương phù hợp, giúp trẻ phát triển hài hòa, tự tin, tôn trọng bản sắc dân tộc; Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật trong nhà trường. Tạo môi trường học tập an toàn, thân thiện, giúp trẻ phát triển phù hợp với khả năng.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong công tác quản lý và nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và hoạt động chuyên môn của giáo viên.

7. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và công tác chuyên môn của giáo viên theo thẩm quyền, đúng quy định. Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng quản lý, giảng dạy và hiệu quả hoạt động của nhà trường.

II. CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2025-2026.

1. Các danh hiệu thi đua

* Chỉ tiêu

Nội dung	Tổng số	Đăng ký	Tỷ lệ %
Chiến sĩ thi đua cơ sở	43	7	16,7
Lao động tiên tiến	43	43	100
UBND Huyện tặng Giấy khen	43	9	20,9
UBND Tỉnh tặng Bằng khen	43	2	4,65
Giám đốc Sở tặng Giấy khen	43	1	2,3

* Giải pháp

Giáo viên tiếp tục thực hiện có hiệu quả về Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ GD&ĐT: Chỉ thị 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 về nâng cao đạo đức nhà giáo; Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 22/4/2019 quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở GDMN, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

Thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua với chủ đề “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”, đưa nội dung của cuộc vận động "Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo" và phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực" thành các hoạt động thường xuyên, tự giác trong nhà trường;

Triển khai thực hiện tốt công tác thi đua như: Bình xét thi đua vào cuối tháng, cuối năm. Bình xét thi đua đảm bảo công bằng, khách quan, đúng người đúng việc, chính xác theo đúng văn bản hướng dẫn của các cấp;

Triển khai thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua;

Tổ chức cho cán bộ giáo viên trong tổ học tập các văn bản chỉ đạo chuyên môn; Tổ chức thi giáo viên giỏi cấp trường;

Tham gia thao giảng vòng trường, trao đổi rút kinh nghiệm, vận dụng linh hoạt và thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với học sinh.

2. Đảm bảo các điều kiện trường lớp, cơ sở vật chất

2.1. Phát triển mạng lưới trường, lớp

* Chỉ tiêu:

STT	Bản	Dân số			Số trẻ ra lớp			Tỷ lệ %			Số lớp	Ghi chú
		Trẻ nhà trẻ	Trẻ mẫu giáo	MG 5 Tuổi	Trẻ nhà trẻ	Trẻ mẫu giáo	MG 5 Tuổi	Trẻ nhà trẻ	Trẻ mẫu giáo	MG 5 Tuổi		

1	Đoàn Kết	44	71	23	17	70	23	38,6	98,6	100	4	
2	Nậm Pắc	8	7	2	0	7	2	0	100	100	1	
3	Nậm Khum	24	23	10	9	23	10	37,5	100	100	1	
4	Húi To	7	5	1	2	5	1	28,6	100	100	0	
5	Húi To 1	34	47	17	15	47	17	44,1	100	100	1	
6	Húi To 2	29	51	18	8	51	18	27,6	100	100	3	
7	Nậm Sin	11	16	4	0	16	4	0	100	100	1	
8	Hua Sin	58	64	19	23	64	19	39,7	100	100	2	
9	Nậm Vi	48	65	24	24	65	24	50	100	100	3	
10	Si Ma 1	1	3	2	0	3	2	0	100	100	0	
11	Si Ma 2	45	52	19	19	52	19	42,2	100	100	2	
12	Pá Lùng 1,2	40	54	13	16	54	13	40	100	100	2	
	Pá Lùng 4	15	11	4	0	11	4	0	100	100	1	
	Pá Lùng 5,6	20	20	8	0	20	8	0	100	100	1	
13	Xà Quế	59	76	26	29	76	26	49,2	100	100	3	
Tổng cộng		443	565	190	161	564	190	36,3	99,8	100	25	

*** Giải pháp:**

Giáo viên phụ trách ở từng bản để tuyên truyền vận động trẻ trong độ tuổi ra lớp, giao số lượng học sinh cho từng giáo viên chủ nhiệm theo kế hoạch, đảm bảo tỷ lệ huy động trẻ các độ tuổi ra lớp theo kế hoạch giao;

Thực hiện nghiêm túc chương trình chăm sóc giáo dục trẻ trong trường Mầm non. Tổ chức tốt các hoạt động vui chơi, các hội thi cho trẻ nhằm thu hút trẻ đến lớp;

Tạo môi trường giáo dục tốt, để thu hút trẻ đến trường. Quan tâm và có chính sách đối với những trẻ có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. Chi trả đầy đủ chế độ cho học sinh theo quy định của nhà nước;

Tích cực làm công tác tham mưu với Hiệu trưởng để xây dựng lớp học, đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị đồ dùng đồ chơi phục vụ cho việc dạy học;

Phối hợp với Hiệu trưởng tổ chức tốt các hội thi của trẻ, làm tốt công tác tuyên truyền vận động phối hợp với phụ huynh học sinh để huy động và duy trì trẻ ra lớp học;

Giao chỉ tiêu cụ thể cho từng lớp phù hợp với từng bản, cho giáo viên ký cam kết hoàn thành chỉ tiêu số lượng nhà trường giao cho.

2.2. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, học liệu; xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

*** Chỉ tiêu**

25/25 lớp có đủ đồ dùng, thiết bị tối thiểu đảm bảo cho hoạt động học, chơi của trẻ;

13/13 điểm trường có khu vui chơi ngoài trời đảm bảo an toàn, sạch đẹp. Mỗi sân chơi có từ 5 đồ chơi ngoài trời trở lên;

100% các lớp có học liệu phục vụ cho các hoạt động trải nghiệm, STEAM, phát triển tư duy của trẻ;

100% các lớp có đầy đủ tài liệu, sách truyện, tranh ảnh phục vụ cho giáo viên và trẻ;

Duy trì các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường chuẩn quốc gia mức độ I theo Thông tư số 19/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*** Giải pháp**

Hàng năm giáo viên kiểm kê đồ dùng, đồ chơi trong lớp mình phụ trách từ đó có kế hoạch, trình nhà trường mua sắm, bổ sung đồ dùng, đồ chơi, các thiết bị dạy học tối thiểu cho trẻ theo quy định;

Khuyến khích giáo viên tự làm các đồ dùng, đồ chơi tự tạo từ các nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương phục vụ cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

Tuyên truyền, huy động phụ huynh quyên góp các nguyên vật liệu tái chế, phối kết hợp với giáo viên làm các đồ dùng đồ chơi phục vụ cho học và chơi của trẻ;

Huy động xã hội hóa từ phụ huynh, doanh nghiệp, mạnh thường quân để cải tạo, mua sắm thiết bị, sách, truyện;

Làm tốt công tác lưu giữ minh chứng theo năm, theo các tiêu chuẩn; Cập nhật đầy đủ phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục đúng thời gian quy định;

Thực hiện tốt chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ. Đảm bảo chất lượng học sinh, giáo viên;

Tự đánh giá trường mầm non theo bộ tiêu chuẩn và quy trình quy định. Hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá trường mầm non.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục

3.1. Tham mưu, ban hành, triển khai kịp thời các văn bản, chính sách phát triển GDMN, bảo đảm các điều kiện thực hiện Chương trình GDMN

*** Chỉ tiêu**

100% Giáo viên tiếp thu và thực hiện đầy đủ hướng dẫn các văn bản chỉ đạo của các cấp như: Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính

phủ quy định chính sách phát triển GDMN; Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, ngày 03/9/2025 quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo; Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/03/2025 về quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách, Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ Trường mầm non; Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 Thông tư ban hành chương trình GDMN; Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở GDMN; Văn bản số 415/UBND - VHXXH, ngày 26/9/2025 của UBND xã Mường Nhé về việc thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục năm học 2025-2026...

***Giải pháp**

Nắm vững và cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp về GDMN; phổ biến, triển khai đến toàn thể giáo viên trong trường;

Tham mưu Hiệu trưởng xây dựng các kế hoạch, phù hợp với thực tiễn nhà trường để bảo đảm điều kiện thực hiện Chương trình GDMN;

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa trong Giáo dục Mầm non, thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách về xã hội hóa giáo dục;

Triển khai, thực hiện các văn bản liên quan đến công tác phát triển Giáo dục Mầm non bảo đảm nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời, chất lượng, hiệu quả; huy động nguồn lực, cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện Chương trình;

Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với trẻ em, cán bộ giáo viên.

3.2. Đổi mới công tác quản lý trong giáo dục mầm non

*** Chỉ tiêu**

100 % giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và chuyển đổi số vào công tác quản lý, tổ chức các hoạt động trong cơ sở Giáo dục Mầm non;

100% các lớp tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục bảo đảm an toàn cho trẻ. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các quy định về tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Trường mầm non;

100% giáo viên thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ trong nhà trường.

*** Giải pháp**

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên cho giáo viên về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giảng dạy, quản lý;

Khuyến khích giáo viên thiết kế bài giảng điện tử, sử dụng các phần mềm, ứng dụng hỗ trợ dạy học như PowerPoint, Canva,... để nâng cao hiệu quả tiết dạy;

Ứng dụng các nền tảng số trong công tác quản lý, trao đổi chuyên môn và tuyên truyền với phụ huynh nhóm Zalo, fanpage trường...);

Thực hiện nghiêm túc quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo quy định; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, bệnh truyền nhiễm;

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các lớp thực hiện đúng các quy định chuyên môn, quy trình an toàn trong chăm sóc – giáo dục trẻ;

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động học, chơi và rèn kỹ năng sống cho trẻ;

Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng – đồ chơi an toàn, phù hợp với lứa tuổi và thường xuyên được vệ sinh, kiểm tra;

Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường – gia đình – cộng đồng trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ; tuyên truyền kiến thức nuôi dạy con khoa học đến phụ huynh;

Tổ chức học tập, quán triệt quy chế dân chủ ở cơ sở đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên để nắm vững quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm;

Thực hiện công khai, minh bạch trong các hoạt động của nhà trường: phân công chuyên môn, đánh giá – xếp loại, thi đua – khen thưởng, tài chính, chế độ chính sách;

Tăng cường các buổi sinh hoạt, đối thoại, lắng nghe ý kiến của giáo viên; khuyến khích tinh thần trao đổi thẳng thắn, tôn trọng và hợp tác.

III. CHẤT LƯỢNG

1. Chất lượng đội ngũ giáo viên

1.1. Các hoạt động chuyên môn của giáo viên (*giảng dạy, sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, các hội thi, công tác bồi dưỡng thường xuyên, ...*)

*** Chỉ tiêu**

100% quản lý giáo viên được tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ hàng năm do ngành tổ chức;

100% Quản lý, giáo viên tự học theo thông tư 11/2019/TT-BGDĐT ngày 26/08/2019, thông tư 12/2019/TT-BGDĐT và được công nhận hoàn thành BDTX năm học 2025-2026;

100% cán bộ quản lý, giáo viên không vi phạm đạo đức nhà giáo, không vi phạm pháp luật;

100% giáo viên có đầy đủ hồ sơ, đồ dùng dạy học đầy đủ trước khi lên lớp;

100% giáo viên đảm bảo ngày giờ công, thực hiện nghiêm nội quy, quy chế của ngành cũng như của nhà trường;

Bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề 2 lần/tháng;

100% các lớp thực hiện đổi mới chương trình Giáo dục Mầm non và phát triển chương trình giáo dục;

100% các lớp tích hợp/lồng ghép “*giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm phát triển thể chất cân đối cho trẻ em*”;

100 % các giáo viên ứng dụng STEAM trong thực hiện chương trình giáo dục trẻ ở trường;

100% trẻ dân tộc thiểu số được tăng cường tiếng Việt; Nâng cao chất lượng hoạt động quản lý, giáo dục trẻ tại phòng thư viện của trường.

*** Giải pháp**

Tham gia đầy đủ, nghiêm túc các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do trường và Sở GD&ĐT tổ chức;

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ 2 lần/tháng theo hướng nghiên cứu bài học, chia sẻ kinh nghiệm, tháo gỡ khó khăn trong giảng dạy;

Tham mưu Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch BDTX của nhà trường, triển khai tới từng cá nhân, hướng dẫn xây dựng kế hoạch tự học đúng quy định. Đôn đốc giáo viên thực hiện nội dung BDTX bắt buộc và tự chọn, đảm bảo tính thiết thực, phù hợp nhu cầu;

Phối hợp tổ chức quán triệt các văn bản quy định về đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử, pháp luật liên quan đến giáo viên mầm non đầu năm học. Đưa nội dung rèn luyện phẩm chất đạo đức, ứng xử sư phạm vào sinh hoạt tổ chuyên môn và đánh giá xếp loại viên chức. Theo dõi, giám sát việc thực hiện quy tắc ứng xử trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, kịp thời nhắc nhở, xử lý nếu có dấu hiệu vi phạm;

Tích cực dự giờ thăm lớp kiểm tra hồ sơ của giáo viên có đánh giá rút kinh nghiệm từ đó có những biện pháp phù hợp;

Xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của trường, địa phương và khả năng, nhu cầu, hứng thú của trẻ em “lấy trẻ làm trung tâm” và lồng ghép văn hoá địa phương, tăng cường tiếng Việt cho trẻ người dân tộc thiểu số;

Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động theo Chương trình Giáo dục Mầm non, tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, học thông qua chơi, phương pháp giáo dục tiên tiến... bảo đảm điều kiện, môi trường giáo dục, thời gian tổ chức các hoạt động cho trẻ ở ngoài trời và trong lớp theo chế

độ sinh hoạt hằng ngày;

Lồng ghép, tích hợp các nội dung giáo dục trong thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ: Giáo dục quyền con người, quyền trẻ em, giáo dục giới; giáo dục an toàn giao thông theo định hướng của chương trình “Tôi yêu Việt Nam”; giáo dục tình cảm kỹ năng xã hội; kỹ năng bảo vệ bản thân; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu... ;

Chỉ đạo thực hiện kế hoạch tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số; lồng ghép nội dung vào hoạt động học, vui chơi, giao tiếp. Phối hợp tổ chức các hoạt động đọc sách, kể chuyện, trò chơi ngôn ngữ tại các góc thư viện ngoài trời và trong lớp, tạo môi trường đọc thân thiện, hấp dẫn.

1.2. Phát triển chất lượng đội ngũ

*** Chỉ tiêu**

Chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Xếp loại tốt 18/42 đ/c đạt 42,8%; xếp loại khá 24/42 đ/c đạt 57,2%;

Giáo viên giỏi các cấp: Giỏi cấp trường 22/42 đạt 52,4%, giỏi cấp xã 8/42 giáo viên đạt 19%, giỏi cấp tỉnh 2/42 giáo viên đạt 4,8%;

Xếp loại viên chức:

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 8/42 GV đạt 19%

Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 34/42 GV đạt 81%

Hoàn thành nhiệm vụ: 0/42 GV chiếm 0 %.

***Giải pháp**

Đầu năm tổ chức triển khai đến toàn thể giáo viên trong tổ các văn bản chỉ đạo của các cấp, các điều lệ, thông tư, quyết định quy định về đạo đức nhà giáo, chuyên môn nghiệp vụ và các đánh giá xếp loại của giáo viên;

Bồi dưỡng đội ngũ nâng cao đạo đức trách nhiệm nghề nghiệp, tình yêu thương và trách nhiệm bảo vệ trẻ; nâng cao năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ; khuyến khích giáo viên tự học và khai thác tài liệu, học liệu hữu ích trên mạng internet;

Thường xuyên tổ chức lồng ghép vào các buổi họp, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng tới tất cả giáo viên về nội dung “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”;

Phát huy vai trò của đội ngũ giáo viên cốt cán đáp ứng yêu cầu cho hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ. Nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ qua đồng nghiệp, dự giờ chuyên đề, bằng mọi hình thức.

Tiếp tục thực hiện đánh giá giáo viên mầm non theo quy định, xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn chuyên môn, sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, từ tổ, trường, hướng dẫn giáo viên phát triển chương trình, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng “Lấy trẻ làm trung tâm”;

Thực hiện chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020. Tạo điều kiện cho giáo viên bồi dưỡng, nâng trình độ chuẩn;

Tổ chức đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, thực hiện lưu trữ minh chứng cuối năm học đảm bảo chính xác theo các tiêu chí;

Làm tốt công tác thi đua khen thưởng kịp thời, đề nghị tôn vinh, biểu dương kịp thời những nhà giáo tiêu biểu, có công đóng góp, hoặc có thành tích đột xuất trong thực hiện nhiệm vụ;

Thực tốt các hoạt động trong ngày, chuẩn bị hồ sơ, đồ dùng dạy học đầy đủ trước khi lên lớp;

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ dưới nhiều hình thức: Thăm lớp dự giờ, thao giảng, sinh hoạt chuyên môn, tham gia các lớp tập huấn chuyên môn;

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn đều đặn, từ đó đánh giá, rút kinh nghiệm cho từng giáo viên và có những biện pháp bồi dưỡng cho những giáo viên chuyên môn còn hạn chế;

Tổ chức hội thi của giáo viên giỏi cấp trường, tham gia nhiệt tình các hội thi do cấp trên tổ chức;

Có những hình thức động viên khuyến khích kịp thời giáo viên thực hiện đạt kết quả cao qua các đợt thi đua, đề xuất áp trên tôn vinh, biểu dương những nhà giáo tiêu biểu, có đóng góp tích cực hoặc có thành tích trong nhiệm vụ đề khen thưởng.

1.3. Chất lượng chăm sóc, giáo dục

1.3.1. Chất lượng chăm sóc sức khỏe và nuôi dưỡng

*** Chỉ tiêu**

Phấn đấu 100% trẻ đến trường được ăn bán trú tại trường đảm bảo an toàn thực phẩm;

100% trẻ được chăm sóc sức khỏe, được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới;

100% các lớp có tủ thuốc y tế và đồ dùng sơ cứu đơn giản;

100% giáo viên được tập huấn về công tác y tế trường học;

100% cán bộ giáo viên, nhân viên được tuyên truyền về chế độ dinh dưỡng, thực đơn, chế độ ăn của trẻ hàng ngày;

100 % giáo viên thực hiện quy định về công tác phòng chống bạo hành trẻ em, bảo đảm an toàn trường học;

100% trẻ đến trường được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần;

100% trẻ đến trường được giáo dục các kỹ năng sống: Phòng chống tai nạn thương tích, bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh...;

100% các lớp thực hiện công tác vệ sinh, tẩy trùng trường, lớp học, đồ dùng, đồ chơi và thực hiện các yêu cầu về phòng chống các dịch bệnh;

Phần đầu giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn dưới 4,7%, tỷ lệ trẻ thấp còi còn dưới 5,6% và không có trẻ thừa cân, béo phì cụ thể như sau:

Lớp	Sức khỏe	Tổng số	Trẻ đạt	Tỷ lệ %
Tổng	Cân nặng bình thường	725	691	95,3
	SDD thể nhẹ cân	725	34	4,7
	Chiều cao bình thường	725	685	94,5
	SDD thể thấp còi	725	40	5,5
Nhà trẻ	Cân nặng bình thường	161	146	90,7
	SDD thể nhẹ cân	161	15	9,3
	Chiều cao bình thường	161	142	88,2
	SDD thể thấp còi	161	19	11,8
	An toàn	161	161	100
	Bé sạch	161	161	100
Mẫu giáo	Cân nặng bình thường	564	545	96,6
	SDD thể nhẹ cân	564	19	3,4
	Chiều cao bình thường	564	543	96,3
	SDD thể thấp còi	564	21	3,7
	An toàn	564	564	100
	Bé sạch	564	564	100

***Giải pháp**

Triển khai và thực hiện nghiêm túc thông tư số 45/2021/TT- BGDDĐT ngày 31/12/2021 quy định về xây dựng về trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ trong cơ sở giáo dục mầm non; tới toàn thể giáo viên trong tổ, để đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ;

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các nguy cơ có thể xảy ra và hướng dẫn các biện pháp, kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích đối với trẻ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ tới các bậc phụ huynh để đảm bảo an toàn cho trẻ;

Thực hiện chuyên đề “Đẩy mạnh phòng chống bạo hành trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non”, “quyền con người” vào nhiệm vụ thường xuyên của tổ, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên, chú trọng công tác kiểm tra đánh giá các tiêu chuẩn về an toàn trong trường mầm non, nhằm phát hiện và có biện pháp khắc phục kịp thời các yếu tố nguy cơ mất an toàn cho trẻ;

Triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời đúng quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo đúng theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020 của chính phủ, NĐ 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025. Thực hiện đầy đủ chế độ của tổ chức tài trợ từ thiện “Ánh sáng núi rừng”;

Xây dựng chế độ ăn cân đối đa dạng, phù hợp với thực tế của trường, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của trẻ theo quy định. Thực hiện tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng và tuyên truyền các bậc phụ huynh nuôi con theo khoa học nhằm phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ;

Huy động tối đa trẻ ăn bán trú tại nhóm lớp đạt tỷ lệ 100%, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho trẻ;

Thực hiện tốt các quy định về an toàn thực phẩm, thường xuyên kiểm tra giám sát các bữa ăn của trẻ ở trung tâm và các điểm trường, mua thực phẩm sạch tươi mới, sẵn có ở địa phương, triển khai cho các lớp trồng rau xanh phục vụ bữa ăn cho trẻ. Không sử dụng đông lạnh, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong trường. Phát động trồng rau sạch từ trung tâm đến các lớp điểm bản phục vụ bữa ăn cho trẻ;

Tiếp tục thực hiện thông tư số 13/2016TTLT-BYT, BGDDT ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học, làm tốt công tác phối hợp với trạm y tế xã tiêm chủng cho trẻ, phòng chống bệnh dịch, khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm học theo quy định, tổ chức cân đo cho trẻ 4 lần/năm học. 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng;

Rèn nề nếp cho trẻ trong các hoạt động theo chế độ sinh hoạt của trẻ tại trường mầm non như: ý thức tự vệ sinh cá nhân.... Công trình vệ sinh luôn vệ sinh sạch sẽ, nguồn nước lọc, giếng khoan, nước sạch đảm bảo an toàn cho trẻ...;

Huy động sự tham gia đóng góp của gia đình và cộng đồng triển khai thực hiện các hoạt động như: “*Tình nguyện viên hỗ trợ ngôn ngữ và nấu ăn cho trẻ ở điểm lẻ*”.

1.3.2. Chất lượng giáo dục (Thực hiện chương trình, các hội thi, việc đánh giá trẻ.....)

*** Chỉ tiêu**

100% trẻ được học 2 buổi/ngày và trẻ dân tộc thiểu số được tăng cường tiếng việt, 96% trở lên trẻ đi học chuyên cần;

100% trẻ được đánh giá mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi theo chương trình giáo dục mầm non và trẻ 5 tuổi được đánh giá hoàn thành chương trình Giáo dục mầm non cụ thể:

- Trẻ nhà trẻ: Tổng số trẻ được đánh giá: 161/161

Tổng số trẻ đạt: 148/161 đạt 92%

- Trẻ mẫu giáo: Tổng số trẻ được đánh giá: 564/564 đạt 100%

Tổng số trẻ đạt: 544/564 đạt 96,5%

- Trẻ 5 tuổi: Tổng số trẻ được đánh giá: 190/190 đạt 100%

Tổng số trẻ đạt: 190/190 đạt 100%

Trẻ 5 tuổi được đánh giá hoàn thành chương trình giáo dục mầm non: 190/190 đạt 100%

Bé chăm: 715/725 đạt 98,6%

Bé ngoan: 715/725 đạt 98,6%.

*** Giải pháp**

Thực hiện nghiêm túc Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 ban hành chương trình Giáo dục mầm non; Phát triển chương trình giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện địa phương, của nhà trường và khả năng và nhu cầu của trẻ;

Xây dựng “*Thư viện thân thiện cho bé*” theo hướng tận dụng các khoảng không gian ngoài trời, hành lang ... để tạo các góc đọc sách truyện nhằm tăng cho trẻ có cơ hội phát triển ngôn ngữ. Hướng dẫn các bậc cha mẹ lựa chọn sách truyện và dành thời gian đọc sách cho con tại gia đình. Tích hợp có hiệu quả các nội dung giáo dục, giáo dục kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non; đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục, chú trọng đổi mới môi trường giáo dục tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá trải nghiệm và sáng tạo;

Triển khai thực hiện công tác tăng cường giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ, phát triển một số kỹ năng ban đầu về đọc, viết cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số theo chương trình giáo dục mầm non;

Thực hiện về chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025. Chú trọng xây dựng môi trường trong lớp ngoài trời tổ chức các hoạt động giáo dục, vui chơi cho trẻ tại nhóm, lớp phù hợp với độ tuổi của trẻ; tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn để giáo viên được trao đổi thảo luận, rút kinh nghiệm thực hiện chuyên đề phù hợp với điều kiện thực tế trường, lớp; Triển khai thực hiện bộ tiêu chí thực hành áp dụng quan điểm giáo dục “Lấy trẻ em làm trung tâm” trong trường mầm non;

Ứng dụng phương pháp dạy học stem/ staem vào các hoạt động để dạy trẻ;

Tiếp tục triển khai thực hiện lồng ghép tích hợp nội dung giáo dục phát triển vận động vào hoạt động vui chơi và các hoạt động giáo dục khác; tăng cường các hoạt động giáo dục phát triển vận động tinh, thô, vào các hoạt động nội dung phát triển vận động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động cho trẻ. Phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường trong chăm sóc, giáo dục trẻ chú trọng quản lý khai thác, sử dụng hiệu quả các điều kiện về cơ sở vật chất;

Phối hợp với Hiệu trưởng tổ chức tốt các ngày hội, ngày lễ trong năm học nhằm nâng cao nhận thức cho trẻ như: hội thi “Tài năng nhí” cấp trường, tham

gia hội thi “Tài năng nhí” cấp xã, tổ chức tết trung thu, ngày hội bánh trưng xanh;

Thực hiện kế hoạch số 831/KH-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh về kế hoạch thực hiện đề án "tăng cường tiếng việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025, chú trọng về cơ sở vật chất, đảm bảo các điều kiện nâng cao chất lượng tăng cường tiếng việt cho trẻ, tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn nhằm bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên, chia sẻ về nội dung, phương pháp, hình thức nhằm nâng cao chất lượng tiếng việt cho trẻ em dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

IV. GIÁO DỤC HÒA NHẬP TRẺ KHUYẾT TẬT

1. Chỉ tiêu

100% trẻ khuyết tật được đến lớp học hòa nhập;

100% trẻ khuyết tật học hòa nhập được theo dõi sự tiến bộ của trẻ.

2. Biện pháp

Đầu năm phối kết hợp với trưởng bản và phụ huynh trẻ để vận động trẻ đến trường, lớp;

Giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ khuyết tật theo dõi sự tiến bộ của trẻ học hoà nhập tại lớp;

Làm tốt công tác chăm sóc giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật, có mối quan hệ thân thiện giữa giáo viên, trẻ và trẻ khuyết tật;

Giáo viên động viên, khuyến khích trẻ khuyết tật tham gia các hoạt động tạo cơ hội cho trẻ có được cảm giác an toàn, giúp cho trẻ khuyết tật bớt đi mặc cảm, tự tin hơn khi đến lớp;

Duy trì mối quan hệ tốt với gia đình trẻ nhằm trao đổi thông tin, phối kết hợp trực tiếp hoặc gián tiếp để hướng dẫn cho phụ huynh cách dạy và kỹ năng giao tiếp, cách phát triển ngôn ngữ cho trẻ tại nhà.

V. GIÁO DỤC HỌC SINH DÂN TỘC

1. Chỉ tiêu

100% trẻ dân tộc thiểu số được tăng cường tiếng việt;

100% trẻ dân tộc biết tiếng phổ thông.

2. Biện pháp

Phối kết hợp với các bậc phụ huynh, trưởng bản huy động tối đa trẻ dân tộc trong độ tuổi ra lớp;

Tuyên truyền tới các bậc phụ huynh về công tác chăm sóc giáo dục trẻ, công tác nuôi dưỡng;

Giáo dục trẻ thực hiện tốt công tác vệ sinh tự phục vụ trong sinh hoạt hàng ngày;

Dạy tăng cường dạy tiếng việt cho trẻ;

Thường xuyên trao đổi với các bậc phụ huynh về việc học tập của trẻ.

VI. THỰC HIỆN CÁC CHUYÊN ĐỀ

*** Chỉ tiêu**

100% cán bộ, giáo viên trong nhà trường nắm, hiểu được và thực hiện tốt, có hiệu quả các chuyên đề đang thực hiện trong nhà trường: Chuyên đề lấy trẻ làm trung tâm, tăng cường tiếng việt, an toàn giao thông ...;

100% học sinh được học tập, vui chơi, trải nghiệm theo hướng lấy trẻ làm trung tâm;

100% trẻ dân tộc thiểu số được dạy tăng cường tiếng việt;

100% trẻ từ trung tâm đến các điểm bản lẻ được làm quen với phương tiện, quy định khi tham gia giao thông an toàn.

*** Giải pháp**

Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 1669/KH-SGDĐT ngày 19/7/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về thực hiện Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 18/KH-GMNCC, ngày 27 tháng 09 năm 2021 của trường Mầm Non Chung Chải về việc thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 831/KH-UBND ngày 29/3/2020 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025. Lồng ghép nội dung giáo dục quyền con người, giáo dục giới, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu;

Tạo môi trường trong ngoài lớp học phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của lớp, của trẻ, phù hợp với chuyên đề, giúp trẻ được vui chơi, thực hành trải nghiệm;

Giáo viên thực hiện lồng ghép các chuyên đề vào các hoạt động hằng ngày của trẻ phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của trẻ, của lớp.

VII. THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH HỌC SINH, GIÁO VIÊN

*** Chỉ tiêu**

100% trẻ đến trường được hưởng các chế độ chi phí học tập, cấp bù học phí theo quy định;

100% trẻ mẫu giáo được hưởng chế độ ăn trưa;

100% trẻ mẫu giáo dân tộc rất ít người được hưởng chế độ rất ít người theo quy định;

100% trẻ mẫu giáo bị khuyết tật trong nhà trường được hưởng chế độ khuyết tật;

100% trẻ nhà trẻ được hưởng chế độ bán trú;

100% giáo viên được hưởng chế độ dạy lớp ghép, tăng cường tiếng việt cho trẻ.

*** Giải pháp**

Triển khai các văn bản về chế độ chính sách của học sinh đến tất cả giáo viên trong nhà trường: Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 3 tháng 9 năm 2025 quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 5 năm 2017 quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 về Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Giáo viên trong nhà trường tiếp thu và tuyên truyền đến phụ huynh học sinh;

Triển khai hồ sơ các chế độ chính sách theo quy định đến phụ huynh để chuẩn bị hồ sơ liên quan nộp cho giáo viên để làm chế độ cho học sinh;

Tham mưu Hiệu trưởng hoàn thiện quy trình, thủ tục, hồ sơ trình cấp trên theo từng chế độ chính sách đảm bảo 100% trẻ được hưởng các chế độ chính sách theo quy định.

VIII. CÁC CÔNG TÁC KHÁC

1. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

*** Chỉ tiêu**

100 % giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc, giáo dục trẻ; trong lưu trữ, sử dụng hồ sơ sổ sách điện tử đảm bảo tinh gọn, hiệu quả;

100 % các phần mềm được quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả;

Số giáo viên soạn bài trên máy vi tính: 42/42 đạt 100%.

*** Giải pháp**

Triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

Đẩy mạnh việc sử dụng hồ sơ sổ sách, phương thức tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ, phù hợp với điều kiện của địa phương, nhà trường và khả năng của giáo viên trong tổ chức các hoạt động giáo dục;

Tăng cường nhận thức của giáo viên về công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường, trong công việc, nhằm thúc đẩy đội ngũ tự giác học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số;

Thực hiện hiệu quả thiết kế giáo án điện tử, số hóa tài liệu, học liệu và nội dung giáo dục, tổ chức đổi mới sinh hoạt chuyên môn, để nâng cao hiệu quả quản lý và dạy học, nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn và chất lượng giáo dục trong nhà trường;

Thực hiện tốt công tác cập nhật dữ liệu về trẻ em, đội ngũ vào phần mềm cơ sở dữ liệu của ngành, kịp thời và chính xác;

Xây dựng, phát triển và khai thác kho học liệu số chia sẻ dùng chung để thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và các thông tin khác phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo;

Phát hiện các cá nhân điển hình chuyển đổi số làm tốt để nhân rộng, tạo phong trào thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường. Thực hiện hiệu quả việc tinh giản hồ sơ, sổ sách;

Phát triển học liệu số phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; nâng cao chất lượng các kho học liệu số gồm bài giảng, phần mềm mô phỏng, trò chơi, học liệu mở để chia sẻ dùng chung toàn trường. Gắn kết hoạt động chuyển đổi số với đổi mới phương pháp giáo dục trẻ, phát triển năng lực số của đội ngũ nhà giáo, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Công tác tuyên truyền về GDMN và tăng cường hợp tác quốc tế

*** Chỉ tiêu**

100% các lớp có góc tuyên truyền về giáo dục mầm non, phù hợp với điều kiện thực tế của lớp. Đảm bảo phong phú về nội dung, sinh động về hình thức phù hợp với sự nhận thức của các bậc cha mẹ;

100% các lớp tuyên truyền với phụ huynh về chương trình giáo dục mầm non, các kiến thức chăm, giáo dục, nuôi dưỡng và vui chơi cùng con tại nhà. Đặc biệt tuyên truyền về thực hiện phổ cập Giáo dục Mầm non cho trẻ em từ 3-5 tuổi, Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi, chuẩn bị triển khai thí điểm Chương trình Giáo dục Mầm non mới, đổi mới trong Giáo dục Mầm non;

Áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến như stem/steam vào nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

Hàng tháng, tuần có các bài viết chất lượng tuyên truyền về các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ đăng trên website, feabook của trường.

*** Giải pháp**

Tuyên truyền về các chủ trương, quy định, chính sách mới của ngành, địa phương về Giáo dục Mầm non;

Tuyên truyền về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đa dạng các kênh zalo, feabook, website... lồng ghép hình thức và phương tiện truyền thông

phù hợp, có sức lan toả sâu rộng nhằm thúc đẩy công tác phối hợp giữa nhà trường với gia đình và đoàn thể, tổ chức xã hội cùng chăm lo phát triển Giáo dục Mầm non;

Tăng cường tính chủ động trong công tác tuyên truyền, chú ý tuyên truyền về vai trò, vị trí của GDMN; những chủ trương đổi mới GDMN, những hoạt động nổi bật trong năm học, phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng bằng nhiều hình thức phù hợp... nhằm tạo sự đồng thuận của xã hội; biểu dương những tấm gương điển hình tiên tiến, phổ biến sáng kiến kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi tự làm có chất lượng cao, gương người tốt, việc tốt;

Tuyên truyền qua các hội thi, giao lưu ngày lễ, ngày hội của trẻ, qua hội thi quan tâm đến việc đưa những nét đẹp văn hóa đặc sắc của dân tộc địa phương nhằm giáo dục truyền thống và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc;

Làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của cha mẹ trẻ, chính quyền địa phương và cộng đồng trong việc phối hợp với các giáo viên huy động trẻ ra lớp và duy trì tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần. Huy động sự phối hợp thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của phụ huynh học sinh và sự giám sát của cộng đồng đối với việc thực hiện các hoạt động của giáo viên, đặc biệt là ở các điểm trường lẻ, nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục của nhà trường;

Nâng cao chất lượng các góc tuyên truyền tại các lớp, đảm bảo phong phú, cập nhật về nội dung ngắn gọn dễ hiểu, hấp dẫn về hình thức, phù hợp với nhận thức của cha mẹ trẻ, nhân dân ở các lớp tại các điểm bản;

Hàng tuần viết các bài tuyên truyền về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ có chất lượng.

3. Hoạt động phong trào

*** Chỉ tiêu**

100% giáo viên tham gia đầy đủ các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao do nhà trường và ngành phát động;

100% lớp thực hiện tốt các phong trào thi đua trang trí lớp, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, xanh – sạch – đẹp;

100% giáo viên tham gia hội thi giáo viên giỏi, hội thi đồ dùng – đồ chơi tự tạo;

Phần đầu đạt từ 1–2 giải trong các hội thi cấp xã, tỉnh tổ chức.

*** Giải pháp**

Xây dựng kế hoạch phong trào gắn với nhiệm vụ năm học, có phân công trách nhiệm cụ thể cho từng tổ chuyên môn;

Tổ chức giao lưu thể thao, văn hóa văn nghệ vào các ngày lễ tết. Tổ chức các hội thi như: Giáo viên giỏi cấp trường, thi làm đồ dùng đồ chơi tự tạo cấp trường;

Khuyến khích giáo viên sáng tạo trong việc làm đồ dùng dạy học, xây dựng môi trường giáo dục, ứng dụng CNTT trong giảng dạy;

Động viên, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào;

Tăng cường phối hợp với phụ huynh, đoàn thể địa phương để phong trào có tính lan tỏa, gắn kết cộng đồng.

4. Các phần mềm của nhà trường

*** Chỉ tiêu**

100% giáo viên, trong tổ nắm vững kỹ năng sử dụng các phần mềm;

100% dữ liệu trường: Trường, lớp học, học sinh, giáo viên, cơ sở vật chất, chất lượng giáo dục được cập nhật thường xuyên, đầy đủ, chính xác trên CSDL ngành;

100% thông tin liên lạc giữa nhà trường – phụ huynh được thực hiện qua VNEDU, đảm bảo minh bạch, nhanh chóng;

100% hồ sơ, kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp hiệu trưởng, giáo viên của đội ngũ được cập nhật và quản lý trên TEMIS;

Báo cáo định kỳ, thống kê số liệu được thực hiện qua hệ thống phần mềm, kịp thời, chuẩn xác.

*** Giải pháp**

Hướng dẫn cho giáo viên cách sử dụng hiệu quả CSDL ngành, VNEDU, TEMIS;

Giao trách nhiệm cụ thể cho giáo viên về cập nhật số liệu, thông tin của trẻ trong lớp mình phụ trách, đồng thời giao cho tổ chuyên môn theo dõi và rà soát cập nhật dữ liệu;

Xây dựng lịch nhập liệu, kiểm tra – đối chiếu số liệu hàng tháng/quý để đảm bảo chính xác, kịp thời;

Ban giám hiệu thường xuyên kiểm tra việc cập nhật dữ liệu, báo cáo, kịp thời nhắc nhở và hỗ trợ khi có sai sót;

Động viên kịp thời các cá nhân/tập thể cập nhật dữ liệu chính xác, hiệu quả.

5. Công tác bán trú

*** Chỉ tiêu**

100% trẻ bán trú được đảm bảo ăn đúng giờ, đủ suất, cân đối dinh dưỡng vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định;

100% giáo viên, nhân viên nuôi dưỡng thực hiện nghiêm túc quy trình chế biến, chia ăn, lưu mẫu thức ăn;

Thực đơn được xây dựng khoa học, thay đổi theo tuần, đảm bảo cân đối các nhóm chất dinh dưỡng;

100% bếp ăn đạt quy trình “Bếp ăn một chiều”;

100% phụ huynh được cung cấp thông tin về khẩu phần, thực đơn, tình hình sức khỏe của trẻ.

*** Giải pháp**

Phối hợp với cán bộ y tế học đường xây dựng thực đơn theo chuẩn khuyến nghị của Viện Dinh dưỡng, có sự cân đối giữa các nhóm thực phẩm;

Kiểm soát chặt chẽ khâu nhập thực phẩm (có nguồn gốc rõ ràng, hợp đồng với nhà cung cấp uy tín). Thực hiện lưu mẫu thức ăn theo quy định;

Sắp xếp giờ ăn, giờ ngủ hợp lý; trang bị đầy đủ giường, chiếu, chăn, gối cho trẻ; kiểm tra thường xuyên vệ sinh dụng cụ ăn ngủ;

Thường xuyên kiểm tra bếp ăn, chất lượng bữa ăn từ trung tâm đến điểm trường;

Kịp thời biểu dương nhân viên thực hiện tốt; xử lý nghiêm trường hợp vi phạm quy định về VSATTP.

6. Công tác thống kê, báo cáo số liệu

*** Chỉ tiêu**

Thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời thời gian quy định các báo cáo, thống kê theo quy định của cấp trên và nhà trường;

100% số liệu về trẻ, đội ngũ, chất lượng nuôi dạy được cập nhật thường xuyên kịp thời, đảm bảo chính xác;

Nâng cao kỹ năng tổng hợp, phân tích số liệu, ứng dụng CNTT để giảm sai sót và tiết kiệm thời gian. Hạn chế tối đa sai sót, phần đầu không có báo cáo phải điều chỉnh sau khi nộp.

***Giải pháp**

Chủ động tham gia các lớp tập huấn, tự bồi dưỡng kỹ năng tin học, kỹ năng thống kê số liệu;

Xây dựng quy trình làm việc cá nhân: thu thập, tổng hợp, đối chiếu, kiểm tra, báo cáo;

Phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm, nhân viên kế toán, y tế, văn phòng để thu thập số liệu chính xác;

Kiểm tra, rà soát nhiều lần trước khi gửi báo cáo, hạn chế tối đa việc điều chỉnh, bổ sung;

Chủ động tham mưu cho Hiệu trưởng khi có vướng mắc, số liệu bất thường hoặc thay đổi đột xuất.

7. Xây dựng trường xanh - sạch - đẹp

*** Chỉ tiêu**

100% các điểm trường, các lớp có bồn hoa, vườn rau, cây xanh, có đủ công trình vệ sinh đảm bảo sạch sẽ;

Xây dựng trường, lớp xanh - sạch - đẹp - an toàn - thân thiện. Khuôn viên sạch sẽ, có bồn hoa, cây cảnh, thoáng mát cho trẻ khám phá trải nghiệm. Lớp học có đủ ánh sáng và bàn ghế phù hợp lứa tuổi. Các công trình vệ sinh đúng qui cách và luôn được giữ gìn vệ sinh sạch sẽ.

*** Giải pháp**

Tổ chức các phòng trào thi đua xây dựng trường lớp xanh - sạch - đẹp;

Thường xuyên kiểm tra, tư vấn về xây dựng môi trường cho giáo viên;

Chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên lồng ghép công tác giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ trong mọi hoạt động của trường, lớp;

8. Giáo dục an toàn giao thông

*** Chỉ tiêu**

100% trẻ được giáo dục an toàn giao thông;

100% giáo viên nghiêm chỉnh chấp hành quy định và luật an toàn giao thông, phần đông không có giáo viên vi phạm luật giao thông.

*** Giải pháp**

Ngay từ đầu năm học chỉ đạo, thực hiện tăng cường lồng ghép nội dung giáo dục an toàn giao thông cho trẻ vào các hoạt động phù hợp, linh hoạt;

Tổ chức ký cam kết việc chấp hành luật an toàn giao thông. Giáo dục an toàn giao thông cho giáo viên và học sinh chấp hành nghiêm chỉnh luật an toàn giao thông.

9. Xây dựng trường có đời sống văn hóa tốt

*** Chỉ tiêu**

100% Gia đình trong tổ đạt gia đình văn hoá tốt;

100% giáo viên có lối sống lành mạnh, quan hệ đúng mực đối với cấp trên, đồng nghiệp và những người xung quanh.

*** Giải pháp**

Tuyên truyền tới toàn thể giáo viên về các chỉ thị, nghị quyết, nội quy, quy chế của ngành, của nhà trường về xây dựng trường có đời sống văn hóa tốt, gia đình có đời sống văn hóa, không để xảy ra bạo hành trong các gia đình giáo viên tại đơn vị nhà trường, bên cạnh đó tuyên truyền cho các bậc phụ huynh cùng tham gia.

C. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Duyệt)



Trần Thị Hoa

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Bùi Thị Huệ

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN THÁNG

Tháng	Nhiệm vụ trọng tâm	Điều chỉnh bổ sung
8	- Giáo viên tổ chức chiêu sinh trẻ ra lớp đảm bảo tỷ lệ huy động đầu năm. - Giáo viên tham gia bồi dưỡng chính trị hè 2025 - Giáo viên tham gia tập huấn bồi dưỡng chuyên môn hè 2025 - Kết hợp với tổ trưởng, giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục năm - Lao động vệ sinh, tu sửa cơ sở vật chất từ trung tâm đến các điểm trường - Xây dựng tạo môi trường giáo dục trong ngoài lớp học từ trung tâm đến các điểm trường - Giáo viên giao, nhận đồ dùng đồ chơi, thiết bị tài sản giữa các lớp - Tham gia điều tra dân số trong độ tuổi trong toàn xã, khớp dữ liệu 3 cấp - Giáo viên thông báo đến phụ huynh các chế độ học sinh được hưởng trong năm: chế độ ăn trưa, chi phí học tập, cấp bù học phí, rất ít người, khuyết tật. Chuẩn bị các hồ sơ liên quan làm chế độ cho trẻ. - Hợp lựa chọn danh mục đồ dùng đồ chơi học liệu, tài liệu - Giáo viên trả phép hè - Kiểm tra công tác đầu năm học - Học sinh tựu trường ngày 29/8/2025, huy động học sinh ra lớp đảm bảo chỉ tiêu giao - Sinh hoạt chuyên môn.	
	- Các lớp đón trẻ ra lớp, ổn định nề nếp học sinh. Tạo môi trường trong lớp học theo chủ	

9	đề - Tổ chức thực hiện chương trình nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ 8/9/2025 - Các tổ hoàn thiện các loại kế hoạch - Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn theo kế hoạch - Giao chỉ tiêu số lượng, chất lượng, ký cam kết chất lượng đầu năm. - Hoàn thiện các loại báo cáo, thống kê đầu năm. - Khảo sát chất lượng giáo viên, học sinh đầu năm. - Cân đo trẻ chầm biểu đồ tăng trưởng. - Rà soát các đối tượng học sinh, giáo viên được hưởng chế độ để làm chế độ cho trẻ, GV - Giáo viên tổ chức họp phụ huynh đầu năm - Tổ chức cho trẻ ăn trưa từ ngày 08/9 - Kiểm tra công tác bán trú: Công tác vệ sinh nhà bếp, đồ dùng nhà bếp. - Xây dựng kế hoạch bán trú, xây dựng thực đơn tháng 9/2025 - Giáo viên thực hiện nhập số liệu trên hệ thống quản lý PCGD, XMC - Nghi lễ 02/9. - Khai giảng ngày 5/9. Phát động thi đua đợt 1. - Xây dựng kế hoạch chuyên môn trình Hiệu trưởng phê duyệt - Triển khai và thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua - Kiểm tra hồ sơ, duyệt kế hoạch duyệt giáo án - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch - Sinh hoạt chuyên môn	
10	- Tiếp tục huy động, duy trì số trẻ đã ra lớp, rèn nề nếp học tập cho trẻ. Tuyên truyền với phụ huynh đưa trẻ ra lớp đều, đủ.	

	- Tổ chức giảng dạy theo kế hoạch chương trình. - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch - Bồi dưỡng giáo viên tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp trường... - Hoàn thiện hồ sơ hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù học phí cho trẻ - Tổ chức tết trung thu cho trẻ - Kiểm tra công tác bán trú: Kiểm tra công tác chia ăn, lưu mẫu thức ăn hàng ngày. - Đảm bảo công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm. - Tổ chức tọa đàm kỷ niệm ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 - Kiểm tra hồ sơ, duyệt kế hoạch duyệt giáo án - Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề 2 lần/tháng - Tổng hợp báo cáo số liệu HS nộp nhà trường	
11	- Duy trì số lượng học sinh ra lớp, rèn nề nếp học tập cho trẻ. - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch. - Bồi dưỡng trẻ thi “Tài năng” cấp trường. - Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho học sinh, tổng hợp kết quả sức khỏe học sinh. Chỉ đạo cân đo sức khỏe trẻ lần 2 - Đảm bảo công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm - Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày nhà giáo VN 20/11. - Sơ kết thi đua đợt 1, phát động thi đua đợt 2 - Tổ chức tập văn nghệ cho giáo viên, học	

	sinh chào mừng ngày 20/11. - Kiểm tra hồ sơ, duyệt kế hoạch, giáo án - Tổng hợp báo cáo số liệu HS nộp nhà trường - Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề 2 lần/tháng	
12	- Các lớp tiếp tục duy trì số lượng học sinh ra lớp, tuyên truyền phụ huynh đưa con em đi học đều, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần của trẻ. - Các lớp giảng dạy theo kế hoạch chương trình, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy. - Kiểm tra chất lượng trẻ giữa năm - Bồi dưỡng trẻ thi “Tài năng nhí” cấp trường - Kiểm tra công tác bán trú: KT hồ sơ 4 tháng cuối năm. - Đảm bảo công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm. - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch - Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề 2 lần/tháng - Kiểm tra hồ sơ, duyệt kế hoạch, giáo án - Nghỉ tết dân tộc - Tổng hợp báo cáo số liệu nộp nhà trường	
1	- Các lớp tiếp tục duy trì số lượng học sinh ra lớp, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần - Báo cáo thống kê, báo cáo sơ kết học kỳ I. - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch - Tổ chức sơ kết học kỳ 1, tái giảng học kỳ 2. - Kiểm tra hoạt động dạy học đầu học kỳ II - Tổ chức hội thi “Tài năng nhí” cấp trường - Xây dựng môi trường ngoài lớp học xanh, sạch, đẹp. - Đảm bảo công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm	

	- Giáo viên theo dõi trẻ biến động trên địa bàn xã. - Kiểm tra hồ sơ, duyệt kế hoạch, giáo án - Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề 2 lần/tháng - Tổng hợp báo cáo số liệu nộp nhà trường.	
2	- Các lớp tiếp tục duy trì số lượng học sinh ra lớp, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần của trẻ. - Kiểm tra các hoạt động sau Tết Nguyên Đán - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch - Giảng dạy theo kế hoạch chương trình, đảm bảo chất lượng, chuẩn bị đồ dùng dạy học đầy đủ, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy - Tiếp tục xây dựng môi trường lớp học. - Đảm bảo công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm - Kiểm tra công tác bán trú: Việc tổ chức bữa ăn cho học sinh - Theo dõi trẻ biến động trên địa bàn xã. - Nghi Tết Nguyên Đán. - Tổ chức trồng cây đầu năm - Tham gia chúc mừng ngày thầy thuốc 27/2 - Thi đua dạy tốt học tốt chào mừng Kỷ niệm ngày thành lập Đảng 3/2 - Tổ chức cân đo sức khỏe trẻ lần 3 - Thực hiện kiểm tra nội bộ theo kế hoạch - Kiểm tra hồ sơ, duyệt kế hoạch, giáo án - Sinh hoạt chuyên đề, chuyên môn tổ, trường 2 lần/tháng - Tổng hợp báo cáo số liệu HS nộp nhà trường	
	- Các lớp tiếp tục duy trì số lượng học sinh ra lớp, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần. Rèn nề nếp cho trẻ - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch	

3	- Kiểm tra công tác bồi dưỡng chuyên môn giáo viên - Tiếp tục xây dựng môi trường GD xanh, sạch, đẹp. - Kiểm tra công tác bán trú, quá trình nhập, xuất thức ăn của nhân viên thủ kho - Đảm bảo công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm - Theo dõi trẻ biến động trên địa bàn xã. - Tổ chức tọa đàm 8/3 cho CBGV, NV - Sơ kết thi đua đợt 3, phát động thi đua đợt 4 - Đoàn thanh niên tổ chức tọa đàm ngày 26/3 - Thi giáo viên giỏi cấp trường - Tổng hợp báo cáo số liệu HS nộp nhà trường - Kiểm tra việc thực hiện chương trình CSGD trẻ - Kiểm tra hồ sơ, duyệt kế hoạch, giáo án Sinh hoạt chuyên đề, chuyên môn tổ, trường 2 lần/tháng	
4	- Các lớp tiếp tục duy trì số lượng học sinh ra lớp, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. - Giáo viên thực hiện bồi dưỡng cho học sinh chuẩn bị kiểm tra chất lượng học sinh cuối năm - Kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo viên, học sinh cuối năm học. - Lao động vệ sinh các điểm trường - Kiểm tra công tác bán trú: KT công tác nhập xuất thực phẩm - Đảm bảo công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm - Theo dõi trẻ biến động trên địa bàn.	

	- Giáo viên nộp đề tài SKKN chấm cấp trường - Phối kết hợp xét chấm sáng kiến kinh nghiệm cấp cơ sở - Nghi Lễ 30/04 - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch - Sinh hoạt chuyên đề, chuyên môn 2 lần/tháng - Tổng hợp báo cáo số liệu HS nộp nhà trường	
5	- Các lớp tiếp tục duy trì số lượng học sinh ra lớp, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần - Nghi lễ 1/5 - Kiểm tra, đánh giá chất lượng học sinh cuối năm trong toàn trường - Hoàn thiện các biểu thông kê, báo cáo thống kê nộp hiệu trưởng - Kết thúc chương trình 22/5/2026 - Giáo viên lao động vệ sinh trường lớp - Phối hợp với hiệu trưởng kiểm tra công tác bán trú - Đảm bảo an toàn thực phẩm cho trẻ, đảm bảo công tác vệ sinh nhà bếp, đồ dùng nấu ăn - Theo dõi trẻ biến động trên địa bàn. - Cân đo khám sức khỏe cho trẻ đợt 4 - Sinh hoạt chuyên đề, chuyên môn 2 lần/tháng - Tự đánh giá phó hiệu trưởng theo chuẩn nghề nghiệp. - Giáo viên tự đánh giá chuẩn nghề nghiệp - Giáo viên tự đánh giá xếp loại viên chức cuối năm. - Tham gia HĐ đánh giá xếp loại viên chức cuối năm	

	- Bình xét thi đua cuối năm - Tổng kết năm học. - Đôn đốc các lớp xây dựng kế hoạch hợp phụ huynh cuối năm - Đôn đốc giáo viên kiểm kê đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học, - Tổng hợp khen thưởng học sinh nộp nhà trường - Bình xét thi đua cuối năm, hoàn thiện hồ sơ thi đua nộp nhà trường - Chỉ đạo giáo viên bàn giao cơ sở vật chất cho trường bản các bản lẻ - Tổng hợp báo cáo số liệu HS nộp nhà trường - Tổng kết chuyên môn năm học - Tổ chức tổng kết năm học theo hướng dẫn	
Tháng 6	- Phối hợp với hiệu trưởng hoàn thiện thi đua cuối năm - Phối hợp với hiệu trưởng thực hiện công tác tuyển sinh năm học 2026-2027 - Phối hợp với hiệu trưởng xây dựng KH mở lớp năm học 2026-2027 - Lao động vệ sinh - Trục hè theo quy định	
Tháng 7	- Phối hợp với hiệu trưởng lập danh sách CBGV tham gia bồi dưỡng hè 2026 - 2027 - Lao động vệ sinh trường lớp, tu sửa cơ sở vật chất trong hè - Trục hè theo quy định	

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

ST T	Họ và tên	Ngày Sinh	Dân tộc	TĐ CM	Công việc được giao	Ghi chú
1	Bùi Thị Huệ	24/08/1985	Mường	ĐH	Phụ trách chuyên môn	
2	Lò Thị Thiêng	28/01/1988	H'Mông	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MGG 3+4+5 tuổi bản Nậm Pắc; Phụ trách bản Nậm Pắc	
3	Đinh Thị Thúy Phượng	25/11/1986	Mường	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MG 5-6 tuổi Đoàn Kết	
4	Vù Xó De	17/02/1992	Hà Nhi	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MG 5-6 tuổi Đoàn Kết	
5	Vàng Thị Hợp	29/03/1993	Thái	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MG 4-5 tuổi bản Đoàn Kết	
6	La Thị Nha	27/07/1982	Tày	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MG 3-4 tuổi bản Đoàn Kết; Phụ trách bản Đoàn Kết	
7	Chang Lé De	12/12/1994	Hà Nhi	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MG 3-4 tuổi bản Đoàn Kết	
8	Phạm Thị cảm Nhung	30/10/1994	Kinh	ĐH	GV chủ nhiệm lớp NT 25-36 tháng tuổi bản Đoàn Kết	
9	Lường Thị Dương	20/11/1986	Thái	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MGG 3+4+5 tuổi bản Nậm Khum; Phụ trách bản Nậm Khum	
10	Lý Gió Pứ	08/02/2001	Hà Nhi	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MGG 3+4+5 tuổi bản Nậm Khum	
11	Vàng Thị Giang	12/11/1996	H'Mông	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MGG 3+4+5 tuổi	

					bản Húi To 1; Phụ trách bản Húi To 1	
12	Hà Thị Hợp	15/03/2012	Thái	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MGG 3+4+5 tuổi bản Húi To 1	
13	Lý Kim Thu	20/09/1995	Hà Nhì	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MG 5-6 tuổi bản Húi To 2	
14	Lý Xá Pư	08/09/2023	Hà Nhì	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MG 5-6 tuổi bản Húi To 2	
15	Lê Thị Nguyệt	01/09/1987	Kinh	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MG 4-5 tuổi bản Húi To 2; Phụ trách bản Húi To 2	
16	Ly Thị Vừ	13/07/1999	H'Mông	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MG 3-4 tuổi bản Húi To 2	
17	Lò Ha Nu	08/09/1997	Hà Nhì	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MGG 3+4+5 tuổi bản Nậm Sin; Phụ trách bản Nậm Sin	
18	Cà Thị Hoa	11/11/2000	Thái	CĐ	GV chủ nhiệm lớp MGG 3+4+5 tuổi bản Nậm Sin	
19	Lò Thị Thu	15/12/1986	Thái	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MGG 4+5 tuổi bản Hua Sin; Phụ trách bản Hua Sin	
20	Mào Thị Chiến	25/02/1996	Thái	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MGG 4+5 tuổi bản Hua Sin	
21	Lý Ma De	03/12/1997	Hà Nhì	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MG 3+4 tuổi bản Hua Sin	
22	Vàng Ha Pư	17/03/1996	Hà Nhì	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MGG 3+4 tuổi bản Hua Sin	
23	Lò Thị Nhau	06/06/1986	Thái	CĐ	GV chủ nhiệm lớp MG 5-6 tuổi bản	

					Nậm Vĩ; Phụ trách bản Nậm Vĩ	
24	Sùng Khừ Xó	27/09/1997	Hà Nhì	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MG 5-6 tuổi bản Nậm Vĩ	
25	Lý Ha Pứ	03/10/1995	Hà Nhì	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MG 4-5 tuổi bản Nậm Vĩ	
26	Mùa Thị Chứ	13/08/1996	H'Mông	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MG 3-4 tuổi bản Nậm Vĩ	
27	Chang Chúy De	06/12/1994	Hà Nhì	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MGG 4+5 tuổi bản Si Ma; Phụ trách bản Si Ma	
28	Mạ Chùy Pư	17/11/2002	Hà Nhì	CD	GV chủ nhiệm lớp MGG 4+5 tuổi bản Si Ma	
29	Vừ Thị Kía	29/08/1993	H'Mông	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MGG 3+4 tuổi bản Si Ma	
30	Lò Thị Thủy	05/10/1996	Thái	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MGG 3+4 tuổi bản Si Ma	
31	Lăng Thị Thanh Xuân	25/5/1986	Tày	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MGG 4+5 tuổi bản Pá Lùng 1; Phụ trách bản Pá Lùng 1	
32	Vù Hừ Xó	12/05/1995	Hà Nhì	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MGG 4+5 tuổi bản Pá Lùng 1	
33	Vù Go Xó	24/06/1996	Hà Nhì	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MGG 3+4 tuổi bản Pá Lùng 1	
34	Vù Chúy Pứ	02/09/1992	Hà nhì	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MGG 3+4 tuổi bản Pá Lùng 1	
35	Tần Mấy Lụa	17/03/1995	Dao	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MGG 3+4+5 tuổi bản Pá Lùng 4; Phụ	

					trách bản Pá Lùng 4	
36	Thào Thị Xế	25/07/2003	Mông	CD	GV chủ nhiệm lớp MGG 3+4+5 tuổi bản Pá Lùng 4	
37	Mùa Thị Nhung	16/05/1999	H'Mông	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MGG 3+4+5 tuổi bản Pá Lùng 5; Phụ trách bản Pá Lùng 5	
38	Lò Thị Hà	03/11/1989	Thái	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MGG 3+4+5 tuổi bản Pá Lùng 5	
39	Nguyễn Thị Thanh Thương	08/09/1991	Kinh	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MG 5-6 tuổi bản Xà Quế	
40	Sùng Thị Thu	09/10/1996	H'Mông	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MG 5-6 tuổi bản Xà Quế	
41	Thào Thị Dí	09/05/1990	H'Mông	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MG 4-5 tuổi bản Xà Quế	
42	Sòng Thị Lĩa	30/10/1999	H'Mông	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MG 4-5 tuổi bản Xà Quế	
43	Đinh Thị Thanh Thúy	05/04/1983	Kinh	ĐH	GV chủ nhiệm lớp MG 3-4 tuổi bản Xà Quế; Phụ trách bản Xà Quế	